

Báo cáo tài chính tóm tắt
Quý2 năm 2009

I. Bảng cân đối kế toán

STT	Nội dung	Số dư 01/01/2009	Số dư 30/06/2009
A	Tài sản ngắn hạn	183,596,676,327	176,196,911,078
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	71,223,144,577	89,521,495,472
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4,063,233,567	2,524,474,000
3	Các khoản phải thu	71,627,770,429	39,587,401,958
4	Hàng tồn kho	36,268,189,633	44,226,708,488
5	Tài sản ngắn hạn khác	414,338,121	336,831,160
B	Tài sản dài hạn	19,673,851,029	29,610,126,020
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	15,876,213,029	25,770,371,020
	a. Tài sản cố định hữu hình	12,074,953,473	11,486,173,823
	- Nguyên giá	19,137,136,338	20,019,587,298
	- Giá trị hao mòn lũy kế	-7,062,182,865	-8,533,413,475
	b. Tài sản cố định vô hình	1,258,225,556	1,101,125,556
	- Nguyên giá	1,571,000,000	1,571,000,000
	- Giá trị hao mòn lũy kế	-312,774,444	-469,874,444
	c. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2,543,034,000	13,183,071,641
3	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3,797,638,000	3,797,638,000
4	Tài sản dài hạn khác		42,117,000
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	203,270,527,356	205,807,037,098
C	Nợ phải trả	58,497,661,986	41,554,389,302
1	Nợ ngắn hạn	57,869,364,986	40,926,092,302
2	Nợ dài hạn	628,297,000	628,297,000
3	Nợ khác	0	
D	Vốn chủ sở hữu	144,772,865,370	164,252,647,796
1	Vốn chủ sở hữu	144,119,128,165	161,396,373,303
	-. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	57,659,500,000	57,659,500,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	54,774,342,850	54,774,342,850
	- Vốn khác của chủ sở hữu	0	
	- Cổ phiếu quỹ (*)		
	- . Các quỹ	12,099,044,151	24,254,170,873
	- Lợi nhuận chưa phân phối	19,586,241,164	24,708,359,580
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	653,737,205	2,856,274,493
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	789,698,051	3,904,767,493
	- Kinh phí dự trữ giống quốc gia	-135,960,846	-1,048,493,000
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	203,270,527,356	205,807,037,098

II. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Quý2	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	đ	93,810,617,400	149,674,133,828
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	đ	2,989,465,037	13,348,279,437
3	Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	đ	90,821,152,363	136,325,854,391
4	Giá vốn hàng bán	đ	57,541,138,589	88,089,934,123
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	đ	33,280,013,774	48,235,920,268
6	Doanh thu hoạt động tài chính	đ	1,655,579,454	2,286,008,960
7	Chi phí tài chính	đ	503,319,621	511,801,621
8	Chi phí bán hàng	đ	14,602,302,386	18,743,430,350
9	Chi quản lý doanh nghiệp	đ	4,499,687,533	6,844,777,202
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	đ	15,330,283,688	24,421,920,055
11	Thu nhập khác	đ	502,722,162	729,928,958
12	Chi phí khác	đ		12,700,000
13	Lợi nhuận khác	đ	502,722,162	717,228,958
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế)	đ	15,833,005,850	25,139,149,013
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	đ	2,837,633,879	4,466,954,433
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đ	12,995,371,971	20,672,194,580

Do Công ty kinh doanh trong ngành nông nghiệp, sản xuất kinh doanh mang tính thời vụ. Quý 2 là vụ bán giống để cung ứng giống cho vụ mùa của các tỉnh phía Bắc, miền Trung và tây Nguyên nên doanh số bán hàng, lợi nhuận thực hiện của công ty cao hơn so với quý 1.

Thực hiện Thông tư số 03/2009TT-BTC ngày 13/1/2009 của Bộ Tài Chính hướng dẫn giảm, gia hạn nộp thuế thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2009./.

Ngày 17 tháng 07 năm 2009

Tổng giám đốc công ty

Trần Kim Liên